

Bản án số 118/2017/HSST

Ngày 19-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Luyện

2. Ông Trần Đăng Khoa.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân và ông Lương Khánh Sơn- đều là cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm Vụ án hình sự thụ lý số 113/2017/HSST ngày 09 tháng 8 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. LDH, sinh năm 1978 tại Hải Phòng; ĐKKHKT và chỗ ở: Số 3/13/32/143 Đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Quản lý nhà hàng D; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; con ông E(đã chết) và bà F, sinh năm 1955; có vợ là G, sinh năm 1986 và 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 03/4/2017 đến ngày 07/4/2017 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

2. PDL, sinh năm 1992 tại Hải Phòng; ĐKKHKT và chỗ ở: Số 76 đường H, phường I, quận J, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông K, sinh năm 1954 và bà L, sinh năm 1953; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/7/2016 đến ngày 08/7/2016 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

3. VVD, sinh năm 1991 tại Hải Phòng; ĐKKHKT và chỗ ở: Khu M, thị trấn N, huyện O, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông P, sinh năm 1959 và bà Q, sinh năm 1962; bị cáo chưa có vợ,

con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 13/7/2016 đến ngày 22/7/2016 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

4. BDK, sinh năm 1994 tại Hải Phòng; ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ R, thị trấn N, huyện O, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông S, sinh năm 1963 và bà T, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 13/7/2016 đến ngày 22/7/2016 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

5. NVH, sinh năm 1991 tại Hải Phòng; ĐKHKTT và chỗ ở: Khu U, thị trấn N, huyện O, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân công ty V; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông W, sinh năm 1955 và bà X, sinh năm 1961; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 18/7/2016 đến ngày 27/7/2016 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

6. BDT, sinh năm 1991 tại Hải Phòng; ĐKHKTT và chỗ ở: Khu Y, thị trấn N, huyện O, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông Z, sinh năm 1965 và bà AA, sinh năm 1967; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 18/7/2016 đến ngày 27/7/2016 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

7. BNT, sinh năm 1988 tại Hải Phòng; ĐKHKTT và chỗ ở: Khu AB, thị trấn N, huyện O, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông AC (đã chết) và bà AD, sinh năm 1966; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo chưa có vợ, con; bị tạm giữ từ ngày 18/7/2016 đến ngày 27/7/2016 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

8. VTT, sinh năm 1992 tại Hải Phòng; ĐKHKTT và chỗ ở: Khu M, thị trấn N, huyện O, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông AE, sinh năm 1968 và bà AF, sinh năm 1971; có vợ là AG, sinh năm 1992 và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 09/11/2016; có mặt tại phiên tòa.

9. PQD, sinh năm 1995 tại Hải Phòng; ĐKHKTT và chỗ ở: Khu AH, thị trấn N, huyện O, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông AI, sinh năm 1972 và bà AJ, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 09/11/2016; có mặt tại phiên tòa.

10. BNMH, sinh năm 1988 tại Hải Phòng; ĐKHKTT và chỗ ở: Khu Y, thị trấn N, huyện O, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông AK, sinh năm 1956 và bà AL (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo ra đầu thú ngày 10/11/2016, bị bắt tạm giam từ ngày 10/11/2016; có mặt tại phiên tòa.

11. THT, sinh năm 1994 tại Hải Phòng; ĐKHKT và chỗ ở: Khu Y, thị trấn N, huyện O, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông AM, sinh năm 1970 và bà AN, sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo ra đầu thú ngày 10/11/2016, bị bắt tạm giam từ ngày 10/11/2016; có mặt tại phiên tòa.

12. PVQ, sinh năm 1993 tại Hải Phòng; ĐKHKT và chỗ ở: Thôn AO, xã AP, huyện O, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông AQ, sinh năm 1964 và bà AR, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 09/11/2016; có mặt tại phiên tòa.

13. LVD, sinh năm 1992 tại Hải Phòng; ĐKHKT và chỗ ở: Phố AS, xã AT, huyện O, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông AU(đã chết) và bà AV, sinh năm 1965; bị cáo có vợ là AW, sinh năm 1993 và 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 01/7/2016 đến ngày 08/7/2016 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

14. THQ, sinh năm 1986 tại Hải Phòng; ĐKHKT và chỗ ở: Tổ AX, phường AY, quận J, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; con ông AZ, sinh năm 1957 và bà BA, sinh năm 1956; có vợ là BB, sinh năm 1987 và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo ra đầu thú ngày 10/01/2017, bị tạm giữ từ ngày 10/01/2017 đến ngày 18/01/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

15. NBDH, sinh năm 1993 tại Hải Phòng; ĐKHKT và chỗ ở: Thôn AO, xã BC, huyện O, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Nhân viên Nhà hàng D; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; con ông BD, sinh năm 1963 và bà BE, sinh năm 1966; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 30/6/2016 đến ngày 08/7/2016 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

16. DHA, sinh năm 1995 tại Hải Phòng; ĐKHKT và chỗ ở: Số 31/2B đường BF, phường BG, quận BH, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông BI, sinh năm 1956 và bà BJ, sinh năm 1960; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo ra đầu thú ngày 10/01/2017, bị tạm giữ từ ngày 10/01/2017 đến ngày 16/01/2017 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

17. LXX, sinh năm 1986 tại Hải Phòng; ĐKHKT và chỗ ở: Thôn 7, xã BK, huyện O, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Nhân viên nhà hàng D; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông BL, sinh năm 1963 và bà BM, sinh năm 1965; bị cáo có vợ là BN, sinh năm 1992 (đã ly hôn) và 01 con, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự:

Không; bị tạm giữ từ ngày 30/6/2016 đến ngày 08/7/2016 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 29 tháng 6 năm 2016 Công an thành phố Hải Phòng kiểm tra hành chính, phát hiện tại phòng 304 nhà hàng D (gọi tắt là phòng 304) tại số 8 đường vòng BO, phường BP, quận C, thành phố Hải Phòng có dấu hiệu tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan Công an thu giữ tại phòng 304 gồm 04 (bốn) viên nén có trọng lượng 1,49 gam qua giám định có thành phần chất ma túy MDMA và Methamphetamine, 02 túi nilon chứa tinh thể màu trắng, có trọng lượng 1,50 gam qua giám định có thành phần chất ma túy Ketamine, 03 túi nilon còn dính chất bột màu trắng qua giám định có thành phần chất ma túy Ketamine (không tính được trọng lượng), 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cuộn thành ống hút, 01 miếng nhựa cứng kích thước khoảng 5x8cm có logo VL.

Tiến hành khám xét khẩn cấp toàn bộ nhà hàng D, Cơ quan Công an phát hiện 21/24 phòng karaoke đang có tổng số 276 khách hát. Trong đó có 12 phòng có dấu hiệu sử dụng trái phép chất ma túy, thu giữ tổng số 82 viên nén, 18 túi nhỏ đựng tinh thể màu trắng, một số vỏ túi trong có dính tinh thể màu trắng nghi là ma túy (tính cả phòng 304).

Tiến hành xét nghiệm nước tiểu cho kết quả 105 người dương tính với các chất ma túy.

Qua điều tra, đã làm rõ được như sau:

1. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, xảy ra tại phòng 603 nhà hàng D:

Khoảng 17 giờ ngày 28 tháng 6 năm 2016, LVD ngồi chơi tại quán cầm đồ của mình tại Phố AS, xã AT, huyện O, thành phố Hải Phòng với BQ, sinh năm 1995, thì có NBDH và BR, sinh năm 1995, cùng ở xã BC, huyện O, thành phố Hải Phòng và đều là bạn xã hội của LVD đến chơi. Do biết NBDH đang làm việc tại nhà hàng D nên LVD nhờ NBDH đặt phòng hộ để tổ chức sinh nhật. Sau khi gọi điện cho bộ phận lễ tân của nhà hàng D để đặt phòng 603 giúp cho LVD, NBDH có hỏi LVD có dùng ma túy không. LVD đồng ý và thống nhất với NBDH sẽ mua 40 viên thuốc lắc loại viên xanh có ký hiệu LV với giá 300.000 đồng/01 viên. LVD đưa cho NBDH 12.500.000 đồng gồm 12.000.000 đồng là tiền mua 40 viên thuốc lắc, 500.000 đồng là tiền công LVD trả cho NBDH. NBDH đã gọi điện thoại cho DHA đặt mua 40 viên thuốc lắc với giá 12.000.000 đồng, hẹn DHA cầm đến nhà hàng D cho NBDH. DHA đồng ý.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, khi NBDH vừa đến nhà hàng D để làm việc thì LVD gọi điện thoại cho NBDH đặt mua thêm 10 viên thuốc lắc, hẹn sẽ trả tiền sau.

NBDH đồng ý, gọi điện cho DHA đặt mua thêm 10 viên thuốc lắc, tổng số là 50 viên và hẹn sẽ trả cho DHA 12.000.000 đồng, thiếu 3.000.000 đồng sẽ trả sau. DHA đồng ý và dặn NBDH cứ gửi tiền ở quầy lễ tân, DHA sẽ lấy tiền ở quầy lễ tân. NBDH lên quầy lễ tân, gặp BS là nhân viên thu ngân của nhà hàng D gửi BS 12.300.000 đồng nhờ đưa cho DHA. Khi đưa cho BS, NBDH không nói rõ nguồn gốc của số tiền. Do quen biết với DHA vì DHA đã từng làm việc tại nhà hàng D nên BS đồng ý nhận tiền để chuyển cho DHA.

Sau khi được NBDH gọi điện hỏi mua thuốc lắc, DHA đã một mình đến khu vực đường tàu Cát Cụt, mua của một người đàn ông không quen biết 50 viên thuốc lắc với giá 280.000 đồng/01 viên. Khoảng 20 giờ cùng ngày, DHA cầm thuốc lắc đến nhà hàng D bán cho NBDH. Tại đây, DHA gặp LXN là nhân viên nhà hàng, DHA đưa cho LXN 01 hộp giấy loại hộp dùng để đựng que thử thai, trong có 01 túi nilon đựng 50 viên thuốc lắc nhờ LXN chuyển cho NBDH rồi vào quầy lễ tân gặp BS để nhận 12.300.000 đồng. Đối với LXN, khi DHA đưa gói giấy trong có ma túy cho LXN, DHA không nói với LXN đó là ma túy nhưng do LXN nhiều lần nhìn thấy DHA và NBDH có biểu hiện bán ma túy cho khách nên LXN biết đó là ma túy NBDH mua của DHA để bán lại cho khách đến hát sử dụng. Do nể nang nên LXN vẫn cầm giúp DHA hộp giấy trong có ma túy lên phòng 602 đưa cho NBDH để NBDH bán. Sau khi nhận được hộp giấy bên trong có ma túy, NBDH cầm vào phòng 603, rút bỏ hộp giấy, lấy túi nilon trong có 50 viên thuốc lắc đặt lên trên nóc thùng loa trong phòng 603. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, LVD cùng bạn bè đến hát tại phòng 603, NBDH đã đưa cho LVD số ma túy trên và LVD đã trả tiếp cho NBDH 3.000.000 đồng. NBDH chưa kịp trả nốt tiền mua ma túy cho DHA.

Đối với LVD, sau khi thỏa thuận việc mua ma túy với NBDH, và nhờ NBDH đặt phòng hát hò, khoảng 20 giờ cùng ngày, LVD cùng BQ đến nhà hàng Karaoke nhận phòng 603 và nhận ma túy là 50 viên thuốc lắc từ NBDH. LVD lấy các lon nước Côca rót ra khoảng 15 cốc nhựa cứng có sẵn ở bàn rồi lấy thuốc lắc ra bẻ đôi từng viên cho vào mỗi cốc nửa viên và để một số nửa viên trên mặt bàn để ai muốn sử dụng thì tự lấy, còn khoảng 20 viên thì LVD lại cho vào túi, cất vào túi quần bỏ phía trước, bên trái LVD đang mặc để sau đó sử dụng tiếp hoặc ai đến sau thì LVD đưa cho họ dùng. Sau đó các bạn của LVD do LVD mời lần lượt đến phòng 603. Quá trình có mặt tại phòng 603, BT, sinh năm 1993, là người được LVD mời đến đã được một người thanh niên, BT không nhớ cụ thể là ai đưa cho BT $\frac{1}{2}$ viên thuốc lắc, BT đã sử dụng bằng cách uống với nước coca cola.

Những người còn lại bao gồm: LVD, BU, sinh năm: 1993 (là vợ của LVD), 15 người khác được LVD mời đến dự sinh nhật gồm: BQ; BV, sinh năm 1991; BW, sinh năm 1995; BR, sinh năm 1995; BX, sinh năm 1995; BY, sinh năm 1993; BZ, sinh năm 1992; CA, sinh năm 1992; CB, sinh năm 1992; CC, sinh năm 1979; CD, sinh năm 1994; CE, sinh năm 1992; CF, sinh năm 1992; CG, sinh năm 1992; CH, sinh năm 1993. Và 06 người được bạn của LVD rủ đến dự sinh nhật LVD

gồm: CI, sinh năm 1988; CJ, sinh năm 1993; CK, sinh năm 1997; CL, sinh năm 1997; CM, sinh năm 1995; CN, sinh năm 1997 đã sử dụng thuốc lắc pha với CocaCola trong các cốc nhựa trên.

Khoảng 1 giờ ngày 29 tháng 6 năm 2016, LVD đang đi vệ sinh thì nghe thấy tiếng hô có Công an nên LVD vào nhà vệ sinh đổ túi thuốc lắc còn lại (khoảng 20 viên) vào bồn cầu và xả nước. Khi Cơ quan Công an đến kiểm tra thì tại phòng 603 có 26 người.

Kết quả xét nghiệm nước tiểu của 26 người khách hát tại phòng 603 có 24 người (trừ CF và CO) dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine và MDMA.

Kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy: 24 người dương tính với ma túy trên đều không phải người nghiện ma túy.

2. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng 304:

Tối ngày 28 tháng 6 năm 2016, PDL tổ chức liên hoan tại nhà hàng CP, quận J nhân dịp sinh nhật PDL. Trong khi liên hoan, PDL rủ và mọi người đồng ý cùng nhau đi hát tại nhà hàng D. Khoảng 22 giờ cùng ngày, PDL cùng THQ, CQ, sinh năm 1993 và CR, sinh năm 1984 đến và đặt phòng hát tại phòng 304 nhà hàng D. Sau đó các bạn của PDL cùng người quen gồm: CS, sinh năm 1993; CT, sinh năm 1995; CU, sinh năm 1996; CV, sinh năm 1995; CW, sinh năm 1989; CX, sinh năm 1996; CY, sinh năm 1991; CZ, sinh năm 1994; DA, sinh năm 1996; DB, sinh năm 1993; DC, sinh năm 1995; DD, sinh năm 1993; DE, sinh năm 1995; DF, sinh năm 1991; DG, sinh năm 1995; DH, sinh năm 1995; DI, sinh năm 1993; DJ, sinh năm 1993; DK, sinh năm 1993; DL, sinh năm 1995; DM, sinh năm 1995; DN, sinh năm 1990; DO, sinh năm 1993; DP, sinh năm 1996 lần lượt đến quán. Sau khi vào hát được khoảng 45 phút, có một người thanh niên không quen biết đi đến chỗ PDL ngồi và gạ PDL mua ma túy để sử dụng. PDL quay lại hỏi mọi người có sử dụng ma túy không, thấy có người gật đầu, còn những người khác ngồi im và không có ai phản đối, PDL đã mua của người thanh niên 30 viên thuốc lắc có ký hiệu VL với giá 250.000 đồng/01 viên và 03 túi Ketamine với giá 500.000 đồng/01 túi và thống nhất nếu dùng còn thừa sẽ trả lại.

Sau đó, PDL lấy thuốc lắc ở đĩa trên bàn đưa cho THQ, CQ, DQ, sinh năm 1993 và một vài người nữa mỗi người một viên để họ sử dụng, còn lại PDL đặt trong đĩa, trên mặt bàn và nói với mọi người “Đồ ở trên bàn đây, ai chơi thì lấy mà chơi”. PDL đã sử dụng thuốc lắc bằng cách uống cùng nước lavie. Sau khi nhìn thấy mọi người trong phòng sử dụng gần hết thuốc lắc, PDL đã mở cả 03 túi Ketamine vừa mua của người thanh niên đổ hết ra đĩa thủy tinh và để luôn 03 vỏ túi nylon ở trong đĩa, sau đó PDL lấy 01 miếng nhựa cứng màu vàng và 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền 10.000 đồng có sẵn trong giỏ đựng đồ khô ở bàn để vào trong đĩa Ketamine rồi dùng miếng nhựa đánh một ít Ketamine trong đĩa tạo thành 01 đường vệt trên đĩa. PDL dùng ống hút để hít Ketamine. Sử dụng Ketamin xong,

PDL để đĩa Ketamine lên bàn số 2 (sát bàn số 1 chỗ PDL ngồi) để ai muốn sử dụng thì tự đánh Ketamine lên và tự sử dụng.

Trong khi sử dụng ma túy, THQ gọi điện thoại cho một người bạn quen ngoài xã hội tên DR (THQ không biết địa chỉ cụ thể) rủ DR đến nhà hàng D chơi. Do không đi được nên DR cho THQ số điện thoại của DS, sinh ngày 20 tháng 02 năm 1999, trú tại: thôn DT, xã DU, huyện DV, thành phố Hải Phòng. THQ gọi điện thoại rủ DS đến nhà hàng D chơi, DS đồng ý. Một lúc sau, DS cùng DW (tên gọi khác là DX), sinh ngày 13 tháng 7 năm 1999, trú tại: xã DY, huyện DV, thành phố Hải Phòng đến và được THQ xuống đón, đưa vào phòng 304. THQ đưa cho DS và DZ mỗi người một viên thuốc lắc. DS và DZ dùng chung mỗi người $\frac{1}{2}$ viên thuốc lắc bằng cách uống với nước Lavie, viên còn lại DZ để trên mặt bàn. Lúc này trong phòng hát có tổng số 30 người, trong đó có 30 người đã sử dụng thuốc lắc và ketamine do PDL mua và cung cấp cho mọi người sử dụng.

Khoảng gần 02 giờ ngày 29 tháng 6 năm 2016, Cơ quan Công an vào kiểm tra phòng 304 đã phát hiện trong phòng 304 có tổng số 30 người có tên trên.

Cơ quan Công an thu giữ: 04 viên nén màu xám, có khối lượng 1,49 gam, qua giám định có thành phần Methamphetamine và MDMA trên mặt bàn số 2; Thu 01 đĩa thủy tinh đường kính khoảng 25 cm bên trong có 03 vỏ túi nilon màu trắng có mép dính, kích thước khoảng 2x3cm bên trong còn dính tinh thể màu trắng, qua giám định không xác định được khối lượng, có thành phần Ketamine 01 miếng nhựa cứng màu vàng có chữ VL, 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; Thu 01 túi nilon kích thước khoảng 4x7cm bên trong có 02 túi nilon màu trắng kích thước khoảng 2x3cm đựng 1,5 gam chất tinh thể màu trắng, qua giám định có thành phần Ketamine tại khe ghế ngồi khu vực bàn số 3 (đối diện với bàn số 2).

Kết quả xét nghiệm nước tiểu cả 30 người dương tính với chất ma túy gồm các loại Methamphetamine, MDMA và Ketamine.

Kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy: 30 người dương tính với ma túy trên đều không phải người nghiện ma túy.

3. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng VIP 8888:

Khoảng 21 giờ ngày 28 tháng 6 năm 2016, VVD cùng BNMH, BNT, BDT, PQD, PVQ, VTT, NVH, THT. Trong đó BNT khi thì ngồi cùng với nhóm của VVD, khi lại sang ngồi cùng với EA và EB (EA và EB là em trai và bạn của BNT; nhóm của VVD và nhóm của EA ngồi cách nhau khoảng vài mét). Tất cả cùng nhau uống bia tại khu đua thuyền N, huyện O, thành phố Hải Phòng. Trong khi uống bia, VVD rủ mọi người đi hát karaoke và “bay” (nghĩa là hát, sử dụng ma túy và nhảy nhót). Sau khi bàn bạc, tất cả thống nhất sẽ đến nhà hàng D để hát và “bay”. VVD thống nhất với mọi người sẽ đóng góp mỗi người từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng để đi hát và bay. Sau khi thống nhất, VVD gọi điện thoại cho BDK. Khi BDK đến, VVD nói cho BDK rõ ý định của mọi người, đồng thời rủ

BDK đi cùng và nhờ BDK mua ma túy hộ để sử dụng. Quan sát số lượng người, VVD và BDK thống nhất sẽ mua 16 viên thuốc lắc và 04 gam Ketamine để mang đến nhà hàng D sử dụng. Do không có tiền mặt nên BDT đề xuất sẽ cầm xe mô tô của BDT đang đi lấy tiền sử dụng trước, sau này sẽ cùng đóng góp chuộc xe sau. Tất cả đồng ý. BDT cùng NVH đem xe đi cầm được 10.000.000 đồng. Trên đường cầm tiền về thì gặp BNMH, NVH đưa tiền cho BNMH, BNMH quay về khu vực đầu đập N gặp VVD và đưa cho VVD 10.000.000 đồng.

VVD cùng BDK, NVH và BNT đi xe taxi do EC, sinh năm 1989 chở đến nhà hàng D. Trên đường đi, BDK bảo VVD đưa cho BDK 8.600.000 đồng và thống nhất thừa, thiếu sẽ tính sau. BDK gọi điện thoại cho một người quen tên DR (không rõ địa chỉ) hỏi mua 16 viên thuốc lắc và 04 gam Ketamine với giá 250.000 đồng/01 viên thuốc lắc và 500.000 đồng/01 gam Ketamine. BDK và DR thống nhất gặp nhau tại khu vực ED, phường EE, quận EF, thành phố Hải Phòng. BDK bảo EC lái xe đến khu vực ED, BDK xuống xe ra gặp DR, đưa cho DR 6.000.000 đồng để mua 16 viên thuốc lắc và 04 gam Ketamine. DR hẹn BDK sẽ mang ma túy tới nhà hàng D giao cho BDK sau. Khi xe đến khu vực gần nhà hàng D, BDK đưa lại cho VVD số tiền còn thừa là 2.600.000 đồng.

Đến nhà hàng D, BDK nhận phòng VIP 8888 rồi rủ VVD, BNT xuống dưới sảnh để đợi DR và lấy ma túy. Khi DR đến, BDK đi ra gặp DR lấy ma túy rồi quay lại chỗ VVD, BNT bảo “Có đồ rồi, lên thôi”. Sau đó cả 3 cùng nhau đi lên phòng VIP 8888. Tại phòng VIP 8888, BDK mở túi nilon đựng thuốc lắc ra lấy đưa cho VVD, NVH mỗi người 1 viên và tự uống 1 viên rồi để thuốc lắc trên mặt bàn để mọi người sử dụng, BDK đưa 2 gói Ketamin cho NVH. NVH đưa cho một người (NVH không nhớ là ai) và bảo người đó đổ ra đĩa để mọi người sử dụng.

Đối với nhóm còn lại gồm BNMH, VTT, THT, PVQ, PQD, BDT đi đến nhà hàng D bằng xe ô tô taxi của VTT. Khi tới khu vực chân cầu EG bên phía huyện O thì VTT xuống xe, BDT chở BNMH, THT, PVQ, PQD tới nhà hàng D.

Sau khi xuống xe, VTT thuê xe taxi đến quán ăn gần chân cầu EG, đón EH, sinh năm 2000 cùng các bạn của EH là EI, sinh năm 2001; EJ, sinh năm 1998; EK (tên gọi khác là EL), sinh ngày 12 tháng 01 năm 2002. Tất cả đến nhà hàng D và lên phòng VIP 8888.

Quá trình hát tại phòng VIP 8888 nhà hàng D, BNMH gọi điện thoại cho EM, sinh năm 1990 rủ đến nhà hàng D chơi. Khi đó EM đang ngủ tại nhà EN, sinh năm 1993 ở thôn EO, thị trấn N, huyện O, thành phố Hải Phòng nên EM cùng EN thuê xe taxi đến nhà hàng D. BNMH còn gọi điện rủ EP, sinh năm 1998 và EQ, sinh năm 1998 cùng đến hát Karaoke.

Ngoài ra NVH rủ ER, sinh năm 1991; BDK rủ ES, sinh năm 1994 đến.

Tại Phòng Karaoke Vip 8888, BDK đưa cho mỗi người 1 viên thuốc lắc, đưa 02 túi Ketamine cho NVH. NVH để 02 túi Ketamine vào trong đĩa có sẵn trong phòng hát rồi đặt tại bàn sát cửa ra vào để mọi người sử dụng. Một số người trong

phòng đã sử dụng Ketamine bằng cách hít bột Ketamine trên đĩa vào mũi thông qua ống hút được cuộn bằng tờ tiền có mệnh giá 10.000 đồng.

Ngoại trừ 08 người gồm BNT, BDT, PVQ, EC, EN, ES, EH, ET khai nhận không sử dụng chất ma túy, những người còn lại đều sử dụng ma túy bằng cách uống thuốc lắc hoặc hít Ketamine bằng mũi, hoặc vừa uống thuốc lắc, vừa hít Ketamine bằng mũi.

Khoảng gần 02 giờ ngày 29 tháng 6 năm 2016, Cơ quan Công an vào kiểm tra phòng VIP 8888 đã phát hiện trong phòng có tổng số 21 người có tên trên. Trong đó có 13 người đã sử dụng ma túy do 10 bị cáo thống nhất góp tiền mua và cung cấp cho mọi người sử dụng.

Cơ quan Công an vào kiểm tra phát hiện và thu giữ: 01 đĩa thủy tinh trên mặt loa bên trong lòng đĩa có một ít tinh thể màu trắng và 01 túi nilon màu trắng chứa tinh thể màu trắng, qua giám định là Ketamine, có khối lượng (trọng lượng) là 1,2 gam (là số ma túy BDK đã mua về để mọi người sử dụng còn lại)... Ngoài ra, thu giữ trong túi xách của EQ 01 túi nilon trong có 02 viên thuốc lắc, qua giám định là MDMA, có khối lượng (trọng lượng) là 0,51 gam. Theo EQ khai nhận đây là ma túy của riêng EQ cầm theo nhưng chưa sử dụng.

Do điều kiện khách quan thiếu que thử, nên Cơ quan điều tra chỉ xét nghiệm nước tiểu được với 6 đối tượng và trong số đó xác định có VVD, ER dương tính với chất ma túy Methamphetamine và MDMA; ES dương tính với chất ma túy MDMA.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, các bị cáo, những người có mặt tại phòng VIP 8888 nhà hàng D, 13 người gồm BDK, VVD, NVH, BNMH, THT, PQD, VTT, EM, EQ, ER, EJ, EK đều khai nhận đã sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng VIP 8888 nhà hàng D vào đêm 28, rạng sáng 29 tháng 6 năm 2016.

Đối với ES, kết quả xét nghiệm dương tính với chất ma túy. Nhưng ES khai nhận là do ES đã sử dụng trong thời gian trước khi đến nhà hàng D, tại nhà hàng D ES không sử dụng ma túy.

Kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy tất cả các đối tượng có tên trên đều không phải người nghiện ma túy.

4. Hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy xảy ra tại Nhà hàng D:

LDH đã làm việc tại nhà hàng D vào khoảng tháng 3 năm 2014 đến tháng 5 năm 2014 thì nghỉ việc. Đến ngày 03/02/2016, LDH trở lại làm việc tại nhà hàng D. LDH được EU – Giám đốc công ty Thủy Ngọc và là chủ nhà hàng D giao cho công việc là thay mặt EU quản lý toàn bộ nhà hàng D, ngoài ra LDH còn trực tiếp quản lý các nhân viên nam làm việc tại nhà hàng. Quá trình làm việc tại nhà hàng D, LDH thấy khách thường xuyên sử dụng ma túy tại các phòng hát của nhà hàng. Với mục đích để cho lượng khách đến nhà hàng được đông hơn, doanh thu nhà

hàng cao hơn và như vậy LDH sẽ được EU đánh giá cao về khả năng làm việc, LDH đã tự ý cho phép khách sử dụng ma túy tại các phòng hát của nhà hàng D. Để thực hiện, LDH đã liên tục nhắc các nhân viên trong các cuộc họp là “Nghiêm cấm nhân viên mua bán ma túy, sử dụng ma túy và hoạt động mại dâm nhưng khách làm gì thì kệ khách”. Đồng thời, khi các nhân viên phát hiện việc khách hát sử dụng ma túy tại phòng hát thì LDH hoặc không nói gì hoặc dặn nhân viên tập trung vào công việc của mình còn khách làm gì thì kệ khách. Khi phát hiện nhân viên của nhà hàng sử dụng ma túy cùng với khách tại các phòng hát, LDH chỉ xử phạt các nhân viên nhưng không xử lý gì với khách, tạo điều kiện cho khách được phép sử dụng ma túy tại nhà hàng D khi khách đến hát. Tại thời điểm đêm 28, rạng sáng 29 tháng 6 năm 2016 khi khách hát đang sử dụng ma túy tại nhà hàng D thì LDH cũng đang có mặt tại nhà hàng D để chỉ đạo hoạt động của nhà hàng.

Tại bản cáo trạng số 114/CT- VKS-P1 ngày 08 tháng 8 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố LDH về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm d khoản 2 Điều 198 Bộ luật Hình sự; các bị cáo PDL, THQ, VVD, BDK, NVH, BDT, BNT, VTT, PQD, BNMH, THT, PVQ bị truy tố về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 197 Bộ luật Hình sự; bị cáo LVD bị truy tố về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 197 Bộ luật Hình sự; các bị cáo NBDH, DHA, LXN bị truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Riêng đối với bị cáo LDH, Kiểm sát viên cho rằng ngày 29/6/2016 tại nhà hàng D, trong số những đối tượng bị cáo LDH cho thuê địa điểm để sử dụng ma túy tại nhà hàng có EK chưa đủ 16 tuổi. Theo quy định của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 thì EK phải được xác định là trẻ em nên bị cáo còn có hành vi phạm tội đối với trẻ em. Tuy nhiên, hiện nay còn có những quan điểm khác nhau về xác định độ tuổi trẻ em trong Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật để xem xét, quyết định.

Từ những phân tích trên, đề nghị:

Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 198; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt: LDH từ 08 năm đến 09 năm tù. Phạt tiền bị cáo 20.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 197; điểm p khoản 1 (áp dụng thêm khoản 2 cho các bị cáo PDL, THQ, VVD, BDK, NVH, BDT, BNT, BNMH, THT) Điều 46; Điều 47; Điều 33, Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo PDL, THQ, VVD, BDK, NVH, BDT, BNT, VTT, PQD, BNMH, THT, PVQ mỗi bị cáo từ 05 đến 06 năm tù.

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 197; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 47 Bộ luật Hình sự, xử phạt: LVD từ 05 đến 06 năm tù.

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33, Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

NBDH: Từ 27 đến 30 tháng tù. Phạt tiền bị cáo 5.000.000 đồng.

DHA: Từ 27 đến 30 tháng tù. Phạt tiền bị cáo 5.000.000 đồng.

LXN: Từ 24 đến 27 tháng tù. Phạt tiền bị cáo 5.000.000 đồng.

Về vật chứng: Đề nghị tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 điện thoại di động của bị cáo BDK, VVD và 04 ống hút được cuộn bằng tờ tiền 10.000 đồng; trả lại nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án 01 điện thoại di động và số tiền 1.500.000 đồng của bị cáo LXN. Các vật chứng khác là vật cấm, vật không có giá trị sử dụng, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THÁY:

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, lời khai của những người làm chứng, phù hợp với Kết luận giám định, kết quả xét nghiệm cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Về tội danh

- Đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”: Tội ngày 28/6/2016, khi LVD nhờ NBDH đặt giúp phòng hát 603 tại quán D, thì NBDH hỏi VVD có dùng ma túy không. VVD đồng ý và thống nhất nhờ NBDH mua 50 viên thuốc lắc với giá 300.000/viên, VVD đã trả NBDH 15.000.000 đồng tiền mua ma túy và 500.000 đồng tiền công. NBDH gọi điện cho DHA đặt mua thuốc lắc. DHA đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày DHA mang 01 hộp giấy, trong đựng 50 viên thuốc lắc đến quán D gặp LXN và nhờ Nam chuyển cho NBDH. Mặc dù DHA không nói với Nam đó là ma túy nhưng LXN biết rõ đó là ma túy DHA bán cho NBDH để NBDH bán lại cho khách nhưng Nam vẫn cầm chuyển cho NBDH. NBDH nhận ma túy rồi bán cho VVD tại phòng 603. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của LVD và kết quả xét nghiệm nước tiểu của 24 khách hát tại phòng 603 dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine và MDMA.

Như vậy có đủ căn cứ kết luận NBDH, Đặng Hoàng Anh, LXN đồng phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 194 Bộ luật Hình sự.

- Đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

+ Về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của LVD

Do có ý định mời bạn bè đến dự sinh nhật mình dùng thuốc lắc nên LVD đã mua của NBDH 50 viên thuốc lắc với giá 300.000đ/viên và nhờ NBDH đặt phòng 603 quán D để tổ chức sinh nhật. Bị cáo tự cho thuốc vào các cốc nước Côca để mọi người uống và để một số nửa viên trên mặt bàn nếu ai muốn sử dụng thì tự lấy. Khoảng 01 giờ ngày 29 tháng 6 năm 2016, khi Công an vào kiểm tra thì tại phòng 603 có 24 người dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine và MDMA. Kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy 24 người đều không phải người nghiện ma túy.

Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo LVD đã có hành vi chuẩn bị địa điểm, ma túy để cung cấp và đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác nên phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điều 197 Bộ luật Hình sự

+ Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của PDL, THQ

Tối ngày 28 tháng 6 năm 2016, PDL rủ bạn bè đến hát tại phòng 304 nhà hàng D nhân dịp sinh nhật PDL. Tại đây, có một người thanh niên không quen biết gạ PDL mua ma túy để sử dụng. PDL đồng ý và mua 30 viên thuốc lắc với giá 250.000 đồng/01 viên và 03 túi Ketamine với giá 500.000 đồng/01 túi. PDL đưa cho THQ và một số người mỗi người một viên để sử dụng, còn lại PDL đặt trong đĩa trên mặt bàn và nói với mọi người “Đồ ở trên bàn đây, ai chơi thì lấy mà chơi”. Sau khi nhìn thấy mọi người trong phòng sử dụng gần hết thuốc lắc, PDL đã đổ cả 03 túi Ketamine ra đĩa. PDL dùng ống hút để hít Ketamine, sử dụng xong, PDL để đĩa Ketamine lên bàn số 2 để ai muốn dùng thì tự sử dụng. Đồng thời, PDL thừa nhận ngoài những người được PDL mời đến thì những người do bạn bè của PDL mời đến nếu có sử dụng ma túy thì PDL cũng đồng ý.

THQ được PDL mời đến dự sinh nhật đã gọi điện thoại rủ DS và DW đến. THQ lấy thuốc lắc mà PDL chuẩn bị đưa cho Thảo, Ngọc mỗi người một viên. Thảo và Ngọc dùng chung mỗi người $\frac{1}{2}$ viên thuốc lắc bằng cách uống với nước Lavie. Khi Cơ quan Công an vào kiểm tra phòng 304 đã phát hiện trong phòng có tổng số 30 người đều dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine, MDMA và Ketamine. Kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy 30 người trên đều không phải người nghiện ma túy.

Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo PDL, Phạm Hồng Quân đã có hành vi cung cấp và đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác nên đồng phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điều 197 Bộ luật Hình sự

+ Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của VVD, BDK, NVH, BDT, BNT, VTT, PQD, BNMH, THT, PVQ

Khoảng 21 giờ ngày 28 tháng 6 năm 2016, tại khu đua thuyền N, huyện O, thành phố Hải Phòng VVD rủ BDK, NVH, BDT, BNT, VTT, PQD, BNMH, THT, PVQ góp tiền để đi hát karaoke và “bay” (nghĩa là hát, sử dụng ma túy và nhảy nhót) tại nhà hàng D. Mọi người đều đồng ý. Khánh mua của DR (không rõ địa

chỉ) 16 viên thuốc lắc và 04 gam Ketamine với giá 250.000 đồng/01 viên thuốc lắc và 500.000 đồng/01 gam Ketamine và đi đến phòng VIP 8888 nhà hàng D. Tại phòng VIP 8888, BDK lấy thuốc lắc đưa cho VVD, NVH mỗi người 1 viên và tự uống 1 viên rồi để thuốc lắc trên mặt bàn để mọi người sử dụng, BDK đưa 2 gói Ketamin cho NVH đổ ra đĩa cho mọi người sử dụng. Tại phiên tòa các bị cáo khai quá trình bàn bạc mặc dù các bị cáo không cụ thể sẽ mời ai đến để cùng sử dụng trái phép chất ma túy nhưng các bị cáo đều thừa nhận nếu có bạn đến sử dụng ma túy cùng thì cũng chấp nhận và không yêu cầu những người được mời đến phải đóng góp tiền mà chỉ 10 người đã tham gia bàn bạc ban đầu sẽ cùng nhau đóng góp tiền thanh toán và thực tế 10 bị cáo đã cùng nhau góp tiền để thanh toán. Khi Công an vào kiểm tra phát hiện trong phòng có 13 người sử dụng ma túy do các bị cáo chuẩn bị, trong đó có 07 bị cáo (trừ bị cáo BNT, BDT, Phạm Văn Quỳnh là không sử dụng) và 06 người được các bị cáo mời trong đó có EK, sinh ngày 12/01/2002. Kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy 13 người trên đều không phải người nghiện ma túy.

Như vậy có đủ căn cứ kết luận các bị cáo VVD, BDK, NVH, BDT, BNT, VTT, PQD, BNMH, THT, PVQ đã thống nhất ý chí thuê địa điểm, góp tiền vào mua ma túy về cùng sử dụng và cung cấp chất ma túy cho 06 người khác sử dụng nên đồng phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điều 197 Bộ luật Hình sự.

- Đối với tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”

LDH được thuê làm quản lý, điều hành hoạt động nhà hàng D. Quá trình làm việc tại nhà hàng D, LDH thấy khách thường xuyên sử dụng ma túy tại các phòng hát của nhà hàng. Tuy nhiên, để cho lượng khách đến nhà hàng được đông hơn, doanh thu nhà hàng cao hơn và để Ban giám đốc đánh giá cao về năng lực quản lý của mình, LDH đã tự ý cho phép khách sử dụng ma túy tại các phòng hát của nhà hàng D. Đêm 28, rạng sáng 29 tháng 6 năm 2016, LDH đã cho nhiều khách đến thuê phòng hát sau đó dùng phòng hát làm nơi sử dụng trái phép chất ma túy, trong đó tại phòng hát 304 có 30 người, Phòng 603 có 24 người, Phòng VIP 8888 có 13 người sử dụng trái phép chất ma túy. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận LDH phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điều 198 Bộ luật Hình sự

Tính chất vụ án rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước ta, mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người và lan tràn tệ nạn nghiện hút ma túy. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết định khung hình phạt

- Đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”: Hành vi của các bị cáo không vi phạm tình tiết định khung tăng nặng nên bị xét xử theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

- Đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”:

+ LVD đã có hành vi chuẩn bị địa điểm, ma túy để cung cấp và đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể 23 người nên bị cáo bị xét xử theo điểm b (đối với nhiều người) khoản 2 Điều 197 Bộ luật Hình sự

+ Phạm Hồng Quân có hành vi đưa chất ma túy vào cơ thể 02 người là DS, sinh ngày 20/02/1999 (17 tuổi 5 tháng 08 ngày) và DW, sinh ngày 13/7/1999 (16 tuổi 11 tháng 15 ngày). PDL đã có hành vi cung cấp và đưa chất ma túy vào cơ thể 29 người (trong đó có cả Quân, Thảo, Ngọc).

Các bị cáo VVD, BDK, NVH, BDT, BNT, VTT, PQD, BNMH, THT, PVQ có hành vi chuẩn bị địa điểm, cung cấp và đưa chất ma túy vào cơ thể 06 người, trong đó có EK mới 14 tuổi 5 tháng 16 ngày.

Vì vậy, các bị cáo đều bị xét xử theo điểm b (đối với nhiều người) và điểm c (đối với người chưa thành niên từ đủ 13 tuổi trở lên) khoản 2 Điều 197 Bộ luật Hình sự.

- Đối với tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”: LDH có hành vi cho nhiều người thuê địa điểm mà bị cáo quản lý để sử dụng trái phép chất ma túy nên bị cáo bị xét xử theo điểm d (phạm tội đối với nhiều người) khoản 2 Điều 198 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, trong số khách bị cáo LDH cho thuê địa điểm để sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng VIP 8888 nhà hàng D còn có EK, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2002 (tại thời điểm đó EK mới 14 tuổi 05 tháng 06 ngày). Theo quy định tại Điều 1 Luật bảo vệ, chăm sóc trẻ em năm 2004 thì trẻ em là người dưới 16 tuổi. Vì vậy, mặc dù Viện kiểm sát không truy tố nhưng xét bị cáo có hành vi cho người khác thuê địa điểm của mình và tổ chức cho người dưới 16 tuổi sử dụng trái phép chất ma túy nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng định khung tại điểm c khoản 2 Điều 198 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt:

Trong vụ án này bị cáo LDH có vai trò cao nhất, bị cáo là người quản lý, điều hành nhà hàng nhưng đã bỏ mặc và tạo điều kiện cho các đối tượng đến hát sử dụng địa điểm là nhà hàng D mà mình đang quản lý, điều hành làm nơi sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy, cần xem xét, áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

Đối với nhóm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Các bị cáo phạm tội theo nhóm. Tuy nhiên, căn cứ vào ý thức chủ quan, số lượng người các bị cáo tổ chức cho sử dụng trái phép chất ma túy và tình tiết định khung hình phạt, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Bị cáo PDL mặc dù tổ chức cho 29 người sử dụng

trái phép chất ma túy nhưng bị cáo không có chủ ý từ trước, hành vi của bị cáo hoàn toàn bột phát khi có người đến gạ bị cáo mua ma túy và mời mọi người sử dụng; bị cáo LVD trực tiếp tổ chức cho 23 người sử dụng trái phép chất ma túy, các bị cáo VVD, BDK, NVH, BDT, BNT, VTT, PQD, BNMH, THT, PVQ cùng bàn bạc, thống nhất và tổ chức cho 06 người sử dụng ma túy (trong đó có 01 người chưa thành niên), tuy hành vi của các bị cáo cũng mang tính bột phát, nhất thời, số lượng ít hơn bị cáo PDL, nhưng xét về ý thức chủ quan từ việc chuẩn bị địa điểm, mua ma túy để tổ chức sử dụng thì bản thân các bị cáo trên đều có chủ ý từ trước khi đến nhà hàng D. Bị cáo THQ mặc dù được PDL mời đến dự sinh nhật, không trực tiếp bàn bạc việc tổ chức sử dụng ma túy, nhưng sau khi tiếp nhận ý chí của PDL, Quân đã gọi điện cho hai người bạn (đều là người chưa thành niên) của mình đến và trực tiếp đưa ma túy cho họ sử dụng. Vì vậy, đánh giá các bị cáo trong nhóm tội này có vai trò ngang nhau.

Đối với tội Mua bán trái phép chất ma túy: NBDH, DHA là những người trực tiếp liên lạc và thực hiện việc mua bán ma túy để kiếm lời. Bị cáo LXN có vai trò giúp sức, khi được DHA nhờ cầm hộ túi đồ lên cho VVD, bị cáo biết rõ là ma túy nhưng vẫn cầm. Vì vậy, đánh giá các bị cáo NBDH, DHA có vai trò ngang nhau và cao hơn bị cáo LXN.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, xét về nhân thân thấy: bị cáo LVD có 01 tiền án, mặc dù đã được xóa án tích nhưng vẫn bị coi là người có nhân thân không tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo THQ, THT, BNMH, DHA sau khi phạm tội đã ra đầu thú; bị cáo Trần Hồng Tường còn có ông nội có công với cách mạng được tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo BNMH có ông bà nội có công với cách mạng, có bố đẻ tham gia quân đội, phục vụ tại chiến trường C (Lào), có bác ruột là liệt sỹ; bị cáo BDK, NBDH, BDT có thời gian tham gia quân đội; bị cáo BDT còn có bố có thời gian tham gia quân đội, có ông nội và bác ruột là người có công với cách mạng; bị cáo LXN có thời gian tham gia lực lượng công an, bị cáo có ông bà nội có công với cách mạng, bà bị cáo bị địch bắt tù đầy, ông bị cáo được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo LVD có bác ruột là liệt sỹ, có bà ngoại tham gia kháng chiến chống Mỹ; bị cáo PDL có bố đẻ có công với cách mạng được tặng thưởng 03 huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba; bị cáo VVD có bố đẻ có thời gian tham gia quân đội, có bác ruột là liệt sỹ; bị cáo BNT có bố đẻ có thời gian tham gia quân đội; bị cáo NVH có ông nội, bố đẻ, bác ruột có công với cách mạng, bố bị cáo đã tham gia chiến đấu tại tuyến 1 biên giới phía bắc, được tặng thưởng huân chương chiến công hạng nhì nên các bị cáo THQ, BNMH, THT, DHA, BDK, NBDH, BDT, LXN, LVD, PDL, VVD, BNT, NVH được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào vai trò, nhân thân, tính chất và hành vi phạm tội cần phải xử các bị cáo LDH, NBDH, DHA trên mức khởi điểm của khung hình phạt; bị cáo LXN ở mức khởi điểm của khung hình phạt. Các bị cáo thuộc nhóm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy do thực hiện hành vi một cách bột phát, nhất thời. Bị cáo VVD tuy phạm 01 tình tiết định khung hình phạt nhưng do bị đánh giá có nhân thân không tốt, vì vậy cần áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo trong nhóm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là ngang nhau và cần áp dụng thêm Điều 47 xử các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Ngoài hình phạt chính, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với LDH, NBDH, DHA, LXN tùy theo tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo. Riêng các bị cáo phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy do hành vi mang tính bột phát, nhất thời nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ một số vật chứng sau: 01 điện thoại Nokia màu đen đã cũ, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu xanh cũ, 01 ví da nâu cũ và 1.500.000 đồng của LXN; 01 điện thoại Iphone màu trắng hồng của VVD; 01 điện thoại Nokia màu vàng đen của BDK; 01 thẻ ATM của PQD; 01 phong bì niêm phong chất ma túy sau giám định có chữ ký của giám định viên EV và hình dấu niêm phong số 5133 C54 (TT2) Viện khoa học hình sự-Bộ Công an; 12 phong bì niêm phong chất ma túy sau giám định có chữ ký của giám định viên EW, kiểm sát viên Nguyễn Văn Thuận, điều tra viên EX và hình dấu niêm phong số 561 của PC54- Công an thành phố Hải Phòng; 03 đĩa thủy tinh hình tròn; 01 miếng nhựa cứng màu vàng; 04 ống hút được cuộn bằng tờ tiền 10.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét:

02 điện thoại của bị cáo Khánh và bị cáo VVD, các bị cáo khai sử dụng để liên lạc việc mua ma túy nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; 04 tờ tiền 10.000đồng cuộn thành ống hút để sử dụng ma túy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Các tài sản là điện thoại, tiền của bị cáo LXN, bị cáo khai là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo. 01 thẻ ATM là tài sản riêng của bị cáo PQD nên trả lại cho bị cáo. Số ma túy và vật chứng còn lại là vật cấm và vật không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy

Đối với tang vật tạm giữ tại nhà hàng D gồm: Một sổ sổ sách, giấy tờ, 02 đầu CPU, 01 két sắt đã đục khóa, một sổ sổ sách, giấy tờ, 01 dấu chức danh của EY và 12.900.000 VNĐ là tài sản của nhà hàng D; 01 điện thoại Nokia màu xanh cũ thu tại phòng 404; 01 thẻ khách hàng thân thiết tên EZ thu tại phòng 505; 01 đĩa CD dung lượng 219 MD (tài liệu giám định của C54). Hiện nay chưa xác định được những tài sản này có liên quan đến vụ án. Vì vậy, cơ quan điều tra tách ra để xử lý sau là có căn cứ.

Các bị cáo phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo LDH phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”; các bị cáo PDL, THQ, VVD, BDK, NVH, BDT, BNT, VTT, PQD, BNMH, THT, PVQ, LVD phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; các bị cáo NBDH, DHA, LXN phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

- Áp dụng điểm c, d khoản 2, khoản 3 Điều 198; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo LDH;

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 197; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo PDL, THQ, VVD, BDK, NVH, BDT, BNT, BNMH, THT;

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 197; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo PQD, PVQ, VTT;

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 197; Điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo LVD;

- Áp dụng Khoản 1, Khoản 5 Điều 194; Điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo NBDH, DHA, LXN, xử phạt:

1. LDH: 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 03/4/2017. Phạt tiền bị cáo 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

2. PDL: 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 02/7/2016.

3. VVD: 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 13/7/2016.

4. BDK: 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 13/7/2016.

5. NVH: 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 18/7/2016.

6. BDT: 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 18/7/2016.

7. BNT: 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 18/7/2016.

8. VTT: 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 09/11/2016.

9. PQD: 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 09/11/2016.

10. BNMH: 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 10/11/2016.

11. THT: 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 10/11/2016.

12. PVQ: 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 09/11/2016.

13. THQ: 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án (trừ cho bị cáo các ngày bị tạm giữ, tạm giam từ ngày mùng 10/01/2017 đến ngày 18/01/2017).

14. LVD: 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/7/2016.

15. NBDH: 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 30/6/2016. Phạt tiền bị cáo 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

16. DHA: 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 10/01/2017. Phạt tiền bị cáo 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

17. LXX: 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 30/6/2016. Phạt tiền bị cáo 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các bị cáo LDH, NBDH, DHA, LXX thi hành xong khoản tiền phạt, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự .

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì niêm phong chất ma túy sau giám định có chữ ký của giám định viên EV và hình dấu niêm phong số 5133 C54 (TT2) Viện khoa học hình sự -Bộ Công an; 12 phong bì niêm phong chất ma túy sau giám định có chữ ký của giám định viên EW, kiểm sát viên Nguyễn Văn Thuận, điều tra viên EX và hình dấu niêm phong số 561 của PC54- Công an thành phố Hải Phòng; 02 đĩa thủy tinh hình tròn đường kính khoảng 25 cm; 01 đĩa thủy tinh hình tròn đường kính khoảng 32 cm; 01 miếng nhựa cứng màu vàng kích thước 5 x 8 cm có logo VL; 01 ví da nâu cũ.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại Nokia màu vàng đen, số Code: 0534268356216/00/562058/0 của BDK

+ 01 điện thoại Iphone màu trắng hồng, số Model: A1687FCCID:BCG-E2944AIC:579C-E2944A của VVD

+ 04 ống hút được cuộn bằng tờ tiền 10.000 đồng.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo LXX: 01 điện thoại Nokia màu đen đã cũ, số Imei: 355481/05/438132/5 và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu xanh cũ, kiểm tra không có số Imei và 1.500.000 đồng.

-Trả lại cho bị cáo PQD: 01 thẻ ATM

(Đặc điểm chi tiết thể hiện tại biên bản bàn giao tang vật ngày 25/7/2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng và biên lai thu tiền số 0003328 ngày 25/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng)

3. **Về án phí:** Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. **Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV 27; Trại tạm giam CATPHP;
- Cục thi hành án Dân sự TPHP;
- Phòng KTNV & THA;
- Sở tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Phương